

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2022/HNGĐ-ST.**

Ngày: 02/11/2022.

“V/v: Ly hôn giữa chị Y và anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thi.

2. Bà Võ Thị Cảnh.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kbang tham gia phiên toà: Ông Nông Trường Sinh-Kiểm sát viên (KSV).

Trong ngày 02/11/2022, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GD) thụ lý số: 179/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/7/2022 về tranh chấp: ***“Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/10/2022, giữa các đương sự:

- *Ngũ đơn:* Chị Hoàng Thị Ngọc Y, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đông, huyện K, tỉnh G.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đông, huyện K, tỉnh G.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 5, thị trấn V, huyện L, tỉnh H.

Chị Y và anh T vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Ngọc Y và anh Hà Văn T qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn (ĐKKH)

tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam vào ngày 26/5/2016.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Y trình bày là do anh chị không hợp tính tình nhau, khác nhau về suy nghĩ và quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống chung căng thẳng, nặng nề và không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích; do mâu thuẫn vợ chồng không thể hoà giải được nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và anh chị sống ly thân với nhau đến nay đã gần 6 năm. Chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn với nhau.

Về phía anh T, anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Y vì anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khó khăn về kinh tế, chị Y không chịu đi làm lo cho kinh tế gia đình, cả anh và chị Y đều ham chơi không quan tâm nhiều về tình cảm của nhau nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, nặng nề, không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích và anh có đánh chị Yến nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 8/2018 cho đến nay.

2. Về con chung: Chị Y và anh T có 01 con chung tên Hà Ngọc L, sinh ngày 06/10/2015. Sau khi ly hôn, chị Y đề nghị giao cháu L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng T, có khả năng lao động; chị không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T cũng đồng ý với đề nghị về giải quyết nuôi con chung của chị Yến.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ được ngưY đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy đăng ký kết hôn tên Hoàng Thị Ngọc Y-Hà Văn T (*bản chính*), 01 Giấy khai sinh mang tên Hà Ngọc L (*bản sao*), 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Hoàng Văn Đ (*bản sao*), 01 Căn cước công dân mang tên Hoàng Thị Ngọc Y (*bản sao*).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Y và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam vào ngày 26/5/2016; anh chị có 01 con chung tên Hà Ngọc L, sinh ngày 06/10/2015. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị Y giao nộp là Giấy đăng ký kết hôn tên Hoàng Thị Ngọc Y-Hà Văn T (*bản chính*), Giấy khai sinh mang tên Hà Ngọc L (*bản sao*).

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 108, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS); các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình (HN&GD) năm 2014; Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để công

nhận thỏa thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Ngọc Y và anh Hà Văn T; giao con chung là cháu Hà Ngọc L cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu trưởng T và có khả năng lao động, do anh T không yêu cầu nên chị Y không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; chị Y và anh T mỗi người phải chịu một nửa án phí ly hôn sơ thẩm (LHST) là 150.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] **Về tố tụng dân sự:** Chị Hoàng Thị Ngọc Y có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Hà Văn T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Y và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam vào ngày 26/5/2016 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, giữa anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Y trình bày là do anh chị không hợp tính tình nhau, khác nhau về suy nghĩ và quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống chung căng thẳng, nặng nề và không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích; do mâu thuẫn vợ chồng không thể hoá giải được nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và anh chị sống ly thân với nhau đến nay đã gần 6 năm. Do mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Anh T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Y vì anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Như vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và anh chị cùng đồng thuận ly hôn nên căn cứ quy định tại các Điều 51 và 55 của Luật HN&GD năm 2014 để công nhận thỏa thuận tình ly hôn của anh chị.

[3] **Về con chung:** Chị Y và anh T có 01 con chung tên Hà Ngọc L, sinh ngày 06/10/2015. Sau khi ly hôn, chị Y đề nghị và anh T đồng ý là giao cháu Lân cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng T, có khả năng lao động; do anh T không yêu cầu nên chị Y không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thỏa thuận này của anh chị là đúng pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên được HĐXX công nhận.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị Y và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] **Về án phí ly hôn sơ thẩm (LHST):** Chị Y và anh T mỗi người phải chịu một nửa tiền án phí theo quy định là 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 108, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của BLTTDS năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thỏa thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Ngọc Y và anh Hà Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hà Ngọc L, sinh ngày 06/10/2015 cho anh T trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu L trưởng T, có khả năng lao động; do anh T không yêu cầu nên chị Y không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Y phải chịu 150.000 đồng án phí LHST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003576 ngày 26/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; chị Y được hoàn trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí LHST đã nộp.

Anh T phải chịu 150.000 đồng án phí LHST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Kbang;
- CCTHADS Kbang;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn NgụY

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN TP CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM ND

THẨM PHÁN-CTPT

Nơi nhận:

-TA tỉnh;

TÒA

-VKS KBang;

-THA KBang;

-Các đương sự;

-Lưu HS vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN**

Lê Văn NgụY